

Số: 1343/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành bộ chương trình dạy học trình độ thạc sĩ niên khóa 2020-2022**  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCN ngày 29/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định 630/QĐ-ĐHCN ngày 18/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-ĐHCN ngày 06/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành bộ chương trình dạy học trình độ thạc sĩ niên khóa 2020-2022 (danh sách chương trình dạy học kèm theo).

**Điều 2.** Bộ chương trình dạy học ban hành kèm theo Quyết định này được dùng để giảng dạy các lớp cao học niên khóa 2020-2022 của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Căn cứ Bộ chương trình dạy học này, Trưởng các đơn vị quản lý chương trình đào tạo/học phần tổ chức giảng dạy theo quy định.

**Điều 3.** Các ông/bà Trưởng phòng: TCHC, TCKT; Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học; Trưởng các đơn vị đào tạo và giảng viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Văn Bồng**

**DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
(Kèm theo Quyết định số 1343/QĐ-ĐHCN ngày 11 tháng 12 năm 2020  
của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

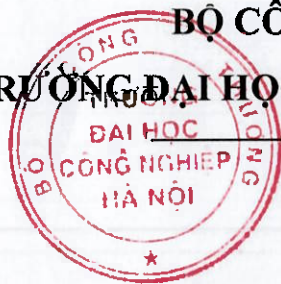
STT	Tên ngành	Mã ngành	Đơn vị quản lý	Ghi chú
1.	Kỹ thuật cơ khí	8520103	Khoa Cơ khí	
2.	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	Khoa Công nghệ Ô tô	
3.	Kỹ thuật cơ điện tử	8520114	Khoa Cơ khí	
4.	Kỹ thuật hóa học	8520301	Khoa Công nghệ Hóa	
5.	Kỹ thuật điện tử	8520203	Khoa Điện tử	
6.	Kỹ thuật điện	8520201	Khoa Điện	
7.	Kế toán	8340301	Khoa Kế toán – Kiểm toán	
8.	Quản trị kinh doanh	8340101	Khoa Quản lý kinh doanh	
9.	Hệ thống thông tin	8480104	Khoa Công nghệ thông tin	
10.	Ngôn ngữ Anh	8220201	Khoa Ngoại ngữ	
11.	Công nghệ dệt, may	8540204	Khoa CNM&TKTT	

**Ghi chú:** Nội dung chi tiết các chương trình dạy học được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, tại địa chỉ:

<https://qldt.hau.edu.vn/daotao/course?level=2>



**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: Kỹ thuật cơ khí**  
**Mã ngành: 8520103**

**Hà Nội, 2020**

## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1543/QĐ-ĐHCN ngày 12 tháng 12 năm 2020

của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình:	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Kỹ thuật cơ khí
Mã số:	8520103
Loại hình đào tạo:	Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### ❖ Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí có phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ chuyên môn cao, kiến thức khoa học cơ bản và kỹ thuật cơ sở vững chắc, có tư duy phân biện. Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí có phương pháp tư duy tổng hợp và hệ thống, khả năng tiếp cận, tổ chức và giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành Cơ khí; có khả năng và phương pháp nghiên cứu khoa học độc lập, sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường kinh tế - xã hội toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; có khả năng tự đào tạo và tham gia các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để đạt trình độ cao hơn;

#### ❖ Mục tiêu cụ thể

##### + Kiến thức:

Cập nhật các kiến thức chuyên sâu, các kiến thức công nghệ mới về Kỹ thuật có khí để đưa ra các giải pháp và thiết kế các chi tiết máy, thiết kế máy. Vận dụng được các kiến thức, công nghệ mới trong các lĩnh vực chế tạo sản phẩm cơ khí; khai thác, vận hành các thiết bị cơ khí; tiếp nhận, triển khai và chuyển giao công nghệ, tổ chức, quản lý và chỉ đạo sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất Cơ khí.

##### + Kỹ năng:

- Chỉ đạo thiết kế, thiết kế hệ thống cơ khí, chi tiết máy, cũng như thiết kế quá trình công nghệ sản xuất cơ khí (có ứng dụng các giải pháp công nghệ mới);
- Hướng dẫn khai thác, vận hành các thiết bị cơ khí mới, hiện đại;
- Nghiên cứu, triển khai, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ cơ khí;
- Quản lý dự án và triển khai dự án liên quan lĩnh vực cơ khí;

- Tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất;
- Nghiên cứu khoa học, đào tạo và tự đào tạo;
- Phân tích và giải quyết được các vấn đề phát sinh trong thực tiễn liên quan đến ngành học;

- Giao tiếp và làm việc nhóm.

**+ Thái độ:**

- Ý thức tổ chức kỷ luật lao động tốt, có tác phong công nghiệp;
- Yêu ngành yêu nghề, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với đồng nghiệp;
- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù chịu khó và sáng tạo trong công việc;
- Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào ngành Công nghệ chế tạo máy, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:**

Học viên tốt nghiệp có thể: (i) phụ trách kỹ thuật của các công ty, nhà máy, xí nghiệp; (ii) hướng dẫn khai thác, vận hành thiết bị mới và hiện đại; (iii) nghiên cứu viên, giảng viên của các trường đại học và viện nghiên cứu; (iv) quản lý và triển dự án liên quan đến lĩnh vực cơ khí; (v) quản lý và triển dự án liên quan đến lĩnh vực cơ khí.

**+ Trình độ Ngoại ngữ:**

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Căn cứ vào quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ hổng tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**6. Thang điểm**

Thang điểm chữ theo hệ hổng đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2 năm, hoàn thành chương trình trong 4 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4 năm (Bảng 7.1).

Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>	<b>5</b>
	Triết học	3
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở</b>	<b>14</b>
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	14
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	0
3	<b>Phần 3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>16</b>
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	6
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	10
4	<b>Phần 4. Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	Luận văn thạc sĩ	10
<b>Tổng số</b>		<b>45</b>

### 7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí

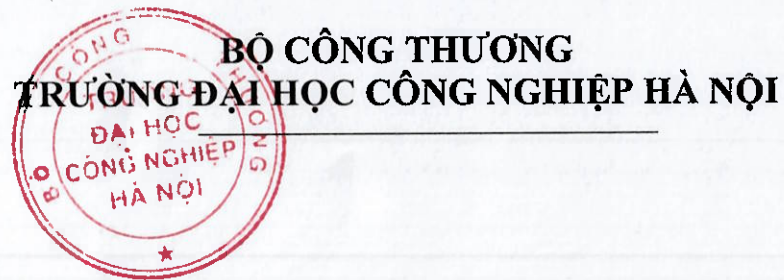
Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL /TT/LV
<b>I</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
2	ME	7118	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
<b>II</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>14</b>	<b>10,5</b>	<b>3,5</b>
<b>2.1</b>	<b>Các học phần cơ sở bắt buộc</b>			<b>14</b>	<b>10,5</b>	<b>3,5</b>
1	ME	7114	Ma sát trong kết cấu	2	1,5	0,5
2	ME	7113	Lý thuyết tạo hình bề mặt	2	2	0

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL /TT/LV
3	ME	7101	Các phương pháp xác định độ chính xác gia công	2	1,0	1,0
4	ME	7112	Lý thuyết biến dạng dẻo kim loại	2	2,0	0
5	ME	7108	Hệ thống đo lường tự động trong chế tạo cơ khí	2	1,5	0,5
6	ME	7104	Cơ sở vật lý quá trình cắt kim loại	2	1,5	0,5
7	ME	7115	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống	2	1,0	1,0
<b>2.2</b>	<b>Các học phần cơ sở tự chọn</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>16</b>	<b>12,0</b>	<b>4,0</b>
<b>3.1</b>	<b>Các học phần chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>6</b>	<b>4,5</b>	<b>1,5</b>
1	ME	7106	Gia công tinh bề mặt chi tiết bằng hạt mài	2	1,5	0,5
2	ME	7122	Tối ưu hóa quá trình cắt gọt	2	1,5	0,5
3	ME	7120	Quy hoạch và xử lý số liệu thực nghiệm	2	1,5	0,5
<b>3.2</b>	<b>Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 10 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>10</b>	<b>7,5</b>	<b>2,5</b>
1	ME	7109	Hệ thống sản xuất linh hoạt FMS và tích hợp CIM	2	1,5	0,5
2	ME	7121	Tính gia công của vật liệu chế tạo máy	2	1,5	0,5
3	ME	7116	Ngôn ngữ lập trình tự động trong gia công cơ khí	2	1,5	0,5
4	ME	7123	Thiết kế công nghệ cơ khí linh hoạt có trợ giúp máy tính	2	1,5	0,5
5	ME	7103	Cơ sở thiết kế các hệ thống điều khiển tự động gián đoạn trong công nghiệp	2	2	0
6	ME	7105	Độ tin cậy và tuổi thọ của thiết	2	1,5	0,5

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL /TT/LV
			bị cơ khí			
7	ME	7110	Kỹ thuật ngược và tạo mẫu nhanh	2	1,5	0,5
8	ME	7119	Phương pháp xây dựng bề mặt cho CAD/CAM	2	1,5	0,5
9	ME	7102	Công nghệ phủ bề mặt	2	1,5	0,5
10	ME	7107	Giáo dục học đại học	2	2	0
11	ME	7117	Phân tích và mô phỏng động lực học quá trình gia công	2	1,5	0,5
<b>IV</b>	<b>PHẦN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1	ME	7124	Luận văn thạc sĩ	10	0	10
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>				<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

(\*) Học viên tự học để đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.





**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: Kế toán**  
**Mã ngành: 8340301**

**Hà Nội, 2020**

## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1343 /QĐ-ĐHCN ngày 12 tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình:	Thạc sĩ Kế toán
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã số:	8340301
Loại hình đào tạo:	Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### ❖ Mục tiêu chung

Đào tạo học viên có trình độ thạc sĩ ngành kế toán có kiến thức chuyên môn vững vàng, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành kế toán - kiểm toán, tài chính.

#### ❖ Mục tiêu cụ thể

##### + Kiến thức:

- Trang bị cho người học những kiến thức phục vụ cho việc tổng hợp, phân tích, luận giải các vấn đề liên quan đến hệ thống kế toán - kiểm toán, tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

- Cung cấp cho người học những kiến thức, phương pháp và công cụ để hiểu biết sâu về kế toán quản trị, kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp;

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản phục vụ cho công tác hoạch định và quản trị tài chính của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội khác.

##### + Kỹ năng:

- Kỹ năng tổng hợp, phân tích, hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách và quyết định về kế toán và kiểm toán; Kỹ năng quản trị, đặc biệt là quản trị rủi ro trong các doanh nghiệp; Kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình tài chính chung cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp; Có khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo;

- Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và chịu được áp lực công việc; Kỹ năng thuyết trình, quản lý và lãnh đạo nhóm.

##### + Thái độ:

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, linh hoạt, sáng tạo;

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như đam mê nghiên cứu khám phá kiến thức mới, có trách nhiệm trong công việc và với cộng đồng;

- Có phẩm chất đạo đức xã hội như tôn trọng luật pháp, có tinh thần kỷ luật, có lối sống trong sáng, lành mạnh.

**+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:**

- Chuyên gia hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các hoạt động liên quan tới lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, công ty, các tổ chức kinh tế-xã hội từ trung ương tới địa phương;

- Chuyên viên cao cấp về phân tích, quản trị tài chính và kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế;

- Nghiên cứu viên và giảng viên về kế toán-kiểm toán, tài chính, tại các viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng;

- Các nhà quản lý tại cơ quan quản lý nhà nước hay giám đốc tài chính tại các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.

**+ Trình độ Ngoại ngữ:**

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Căn cứ vào Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**6. Thang điểm**

Thang điểm chữ theo hệ hống đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**7. Nội dung chương trình**

**7.1. Khái quát chương trình**

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2 năm, hoàn thành chương trình trong 4 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4 năm (Bảng 7.1).

*Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo*

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>	<b>5</b>
	Triết học	3
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở</b>	<b>16</b>
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	6
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	10
3	<b>Phần 3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>14</b>
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	10
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	4
4	<b>Phần 4. Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	Luận văn tốt nghiệp	10
<b>Tổng số</b>		<b>45</b>

**7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo**

*Bảng 7.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán*

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL /TT/LV
<b>I</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>5</b>	<b>3</b>	<b>2</b>
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
2	BM	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
<b>II</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>16</b>	<b>14</b>	<b>2</b>
<b>2.1</b>	<b>Các học phần cơ sở bắt buộc</b>			<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>
1	BM	7104	Kinh tế học ứng dụng	3	3	0
2	AA	7114	Lý thuyết kế toán	3	3	0
<b>2.2</b>	<b>Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 10 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>10</b>	<b>8</b>	<b>2</b>
<b>2.2.1</b>	<b>Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
1	LP	7103	Kinh tế chính trị	2	1	1

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL /TT/LV
2	AA	7102	Đề án nghiên cứu trong kế toán, kiểm toán	2	1	1
2.2.2	<i>Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2	2	0
1	AA	7103	Hệ thống thông tin kế toán	2	2	0
2	BM	7125	Quản trị doanh nghiệp	2	1	1
2.2.3	<i>Nhóm cơ sở tự chọn C (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2	2	0
1	BM	7115	Quản trị dự án	2	1	1
2	AA	7105	Kế toán định giá doanh nghiệp	2	2	0
2.2.4	<i>Nhóm cơ sở tự chọn D (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2	1	1
1	BM	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	1	1
2	BM	7124	Quản lý tài chính công	2	1	1
2.2.5	<i>Nhóm cơ sở tự chọn E (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2	2	0
1	AA	7101	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2	2	0
2	LP	7102	Pháp luật về kinh doanh	2	2	0
<b>III</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>
<b>3.1</b>	<b>Các học phần chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>
1	AA	7107	Kế toán tài chính 1	3	3	0
2	AA	7106	Kế toán quản trị	2	2	0
3	AA	7111	Kiểm toán	3	3	0
4	AA	7115	Phân tích báo cáo tài chính	2	2	0
3.2	<b>Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 4 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
3.2.1	<i>Nhóm chuyên ngành tự chọn A (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2	2	0
1	AA	7108	Kế toán tài chính 2	2	2	0
2	AA	7110	Kiểm soát nội bộ	2	2	0
3.2.2	<i>Nhóm chuyên ngành tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2	2	0

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/TT/LV
1	AA	7109	Kế toán thuế	2	2	0
2	AA	7104	Kế toán công	2	2	0
<b>IV</b>	<b>PHẦN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1	AA	7114	Luận văn thạc sĩ	10	0	10
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>				<b>45</b>	<b>31</b>	<b>14</b>

**(\*) Trình độ Ngoại ngữ:**

Học viên tự học để đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.



**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: Quản trị kinh doanh**  
**Mã ngành: 8340101**



**Hà Nội, 2020**

## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1343 /QĐ-ĐHCN ngày 12 tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã số:	8340101
Loại hình đào tạo:	Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### ❖ Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh đảm bảo tính quốc tế, đồng thời chú trọng vào điều kiện cụ thể của nền kinh tế Việt Nam. Chương trình cung cấp những kiến thức nâng cao, cập nhật về hoạch định chiến lược kinh doanh, quản trị các nguồn lực trong doanh nghiệp, xây dựng và phát triển mối quan hệ với khách hàng nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho tổ chức, doanh nghiệp. Học viên tốt nghiệp chương trình có: đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; thái độ hợp tác với đồng nghiệp; ý thức tôn trọng pháp luật, các quy tắc nơi làm việc; đưa ra được các quyết định lãnh đạo, quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa.

#### ❖ Mục tiêu cụ thể

##### + Kiến thức:

Có kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh như hoạch định chiến lược kinh doanh, quản trị nguồn nhân lực, quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, quản trị thương hiệu, quản trị chuỗi cung ứng, kinh doanh quốc tế.

##### + Kỹ năng:

Có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm để hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo của một nhà quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa.

##### + Thái độ:

Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; thái độ hợp tác với đồng nghiệp; ý thức tôn trọng pháp luật, các quy tắc nơi làm việc.

##### + Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Học viên tốt nghiệp có thể: (i) đảm nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý cấp cao, cấp trung gian trong các tổ chức, doanh nghiệp; (ii) khả năng khởi nghiệp, tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; (iii) nghiên cứu viên, giảng viên của các trường đại học và viện nghiên cứu.



**+ Trình độ Ngoại ngữ:**

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Căn cứ vào quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**6. Thang điểm**

Thang điểm chữ theo hệ hống đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**7. Chương trình đào tạo**

**7.1. Khái quát chương trình**

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2 năm, hoàn thành chương trình trong 4 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4 năm (Bảng 7.1).

*Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo*

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>	<b>5</b>
	Triết học	3
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở</b>	<b>13</b>
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	5
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	8
3	<b>Phần 3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>17</b>
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	11
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	6
4	<b>Phần 4. Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	Luận văn tốt nghiệp	10

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
	<b>Tổng số</b>	<b>45</b>

## 7.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2 Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phân chữ	Phân số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL TT/LV
<b>I</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>5</b>	<b>3</b>	<b>2</b>
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
2	BM	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
<b>II</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>13</b>	<b>11</b>	<b>2</b>
<b>2.1</b>	<b>Các học phần cơ sở bắt buộc</b>			<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>
1	BM	7104	Kinh tế học ứng dụng	3	3	0
2	BM	7108	Lý thuyết quản trị kinh doanh	2	1	1
<b>2.2</b>	<b>Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>8</b>	<b>7</b>	<b>1</b>
<b>2.2.1</b>	<b>Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>
1	BM	7103	Kinh doanh quốc tế	3	3	0
2	BM	7114	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0
3	BM	7121	Thị trường tài chính và định chế tài chính	3	3	0
4	BM	7111	Quản lý công nghệ	3	3	0
<b>2.2.2</b>	<b>Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
1	BM	7102	Hành vi tổ chức	2	2	0
2	BM	7123	Văn hóa trong kinh doanh	2	1	1
3	BM	7110	Quan hệ công chúng	2	1	1
4	LP	7102	Pháp luật về kinh doanh	2	1	1
<b>III</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>17</b>	<b>9</b>	<b>8</b>
<b>3.1</b>	<b>Các học phần chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>11</b>	<b>6</b>	<b>5</b>
1	BM	7113	Quản trị chiến lược	2	1	1
2	BM	7116	Quản trị nhân lực	3	2	1
3	BM	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	1	1
4	BM	7119	Quản trị thương hiệu	2	1	1

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL TT/LV
5	BM	7105	Kỹ năng lãnh đạo	2	1	1
3.2	<b>Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>6</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
1	BM	7101	Đấu thầu	2	1	1
2	BM	7117	Quản trị rủi ro	2	1	1
3	BM	7107	Lượng hóa quản trị sản xuất	2	1	1
4	BM	7122	Thương mại điện tử	2	1	1
5	BM	7115	Quản trị dự án	2	1	1
6	BM	7120	Tinh thần doanh nhân	2	1	1
7	BM	7112	Quản trị chất lượng	2	1	1
<b>IV</b>	<b>PHẦN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1	BM	7125	Luận văn thạc sĩ	10	0	10
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>				<b>45</b>	<b>23</b>	<b>37</b>

(\*) - Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.



**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: Kỹ thuật điện tử**  
**Mã ngành: 8520203**

**Hà Nội, 2020**



## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1343 /QĐ-ĐHCN ngày 12 tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình:	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Kỹ thuật điện tử
Mã số:	8520203
Loại hình đào tạo:	Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### ❖ Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật Điện tử có phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ chuyên môn cao, có thể làm chủ các lĩnh vực khoa học và công nghệ liên quan đến kỹ thuật điện tử. Thạc sĩ Kỹ thuật Điện tử có phương pháp tư duy hệ thống, khả năng tiếp cận, tổ chức và giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành Kỹ thuật Điện tử; có khả năng và phương pháp nghiên cứu khoa học độc lập, sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường kinh tế - xã hội toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; có khả năng tự đào tạo và tham gia các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để đạt trình độ cao hơn.

#### ❖ Mục tiêu cụ thể

##### + Kiến thức:

Hiểu biết, áp dụng và phát triển được các kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại vào giải quyết các vấn đề của ngành và liên ngành. Làm chủ và xây dựng các hệ thống điện tử thông minh với các kiến thức về học máy và kỹ thuật nhận dạng, mạng nơ ron nhân tạo, logic mờ,... Có kiến thức để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc Tiến sĩ.

##### + Kỹ năng:

Có kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc nhóm đủ để làm việc trong môi trường làm việc liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia.

##### + Thái độ:

Nhận biết và thực hiện các trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp, ý thức tôn trọng pháp luật và quy định của nơi làm việc.

##### + Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử sau khi tốt nghiệp có thể: đảm nhiệm vị trí quản lý các dự án hoặc quản lý các bộ phận kỹ thuật trong các doanh nghiệp, thành lập và quản lý các

doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực điện tử, đảm nhiệm vị trí giảng viên, nghiên cứu viên về lĩnh vực điện tử trong các đơn vị đào tạo, nghiên cứu.

**+ Trình độ Ngoại ngữ:**

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Căn cứ vào quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**6. Thang điểm**

Thang điểm chữ theo hệ thống đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**7. Nội dung chương trình**

**7.1. Khái quát chương trình**

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2 năm, hoàn thành chương trình trong 4 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4 năm (Bảng 7.1).

*Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo*

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>	<b>5</b>
	Triết học	3
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở</b>	<b>16</b>
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	8
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	8
3	<b>Phần 3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>14</b>
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	8
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	6
4	<b>Phần 4. Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	Luận văn tốt nghiệp	10
<b>Tổng số</b>		<b>45</b>



## 7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật điện tử

Stt	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/TT/LV
<b>I</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>5</b>	<b>3</b>	<b>2</b>
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
2	FE	7117	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
<b>II</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>16</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
<b>2.1</b>	<b>Các học phần cơ sở bắt buộc</b>			<b>8</b>	<b>4</b>	<b>4</b>
1	FE	7121	Xác suất và quá trình ngẫu nhiên	2	1	1
2	FE	7108	Kỹ thuật học máy và nhận dạng	2	1	1
3	FE	7124	Xử lý tín hiệu và lọc số nâng cao	2	1	1
4	FE	7120	Thông tin số nâng cao	2	1	1
<b>2.2</b>	<b>Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>8</b>	<b>4</b>	<b>4</b>
1	FE	7111	Lý thuyết thông tin và mã hóa	2	1	1
2	FE	7115	Mạng và truyền dữ liệu	2	1	1
3	FE	7110	Lý thuyết tối ưu	2	1	1
4	FE	7103	Điều khiển logic mờ	2	1	1
5	FE	7114	Mạng neural nhân tạo	2	1	1
6	FE	7102	Chuyên đề: Hệ thống điện tử, tự động	2	1	1
7	FE	7118	Quản lý dự án kỹ thuật	2	1	1
8	FE	7116	Mô phỏng hệ thống thông tin	2	1	1
<b>III</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>14</b>	<b>6,5</b>	<b>7,5</b>
<b>3.1</b>	<b>Các học phần chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>8</b>	<b>3,5</b>	<b>4,5</b>
1	FE	7105	Hệ thống nhúng	2	1	1
2	FE	7119	Thiết kế hệ thống số	2	1	1
3	FE	7106	Hệ thống thông tin vô tuyến nâng cao	2	1	1
4	FE	7104	Đồ án: Hệ thống điện tử, tự động	2	0,5	1,5

Stt	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/TT/LV
3.2	<b>Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>6</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
1	FE	7107	Kiến trúc máy tính tiên tiến	2	1	1
2	FE	7101	Công nghệ RFID	2	1	1
3	FE	7113	Mạng không dây ad-hoc	2	1	1
4	FE	7112	Mạng cảm biến không dây	2	1	1
5	FE	7122	Xử lý ảnh số	2	1	1
6	FE	7123	Xử lý tiếng nói	2	1	1
7	FE	7125	IoT và ứng dụng	2	1	1
IV	<b>PHẦN THỰC TẬP; LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1	FE	7127	Luận văn thạc sĩ	10	0	10
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>				<b>45</b>	<b>36</b>	<b>9</b>

(\*) Học viên từ học để đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.





**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: Kỹ thuật điện**  
**Mã ngành: 8520202**

**Hà Nội, 2020**



## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 343 /QĐ-ĐHCN ngày 12 tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình:	Thạc sĩ Kỹ thuật điện
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Kỹ thuật điện
Mã số:	8520202
Loại hình đào tạo:	Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật điện có kiến thức khoa học cơ bản và kỹ thuật cơ sở vững chắc, trình độ chuyên môn sâu trong lĩnh vực kỹ thuật điện. Thạc sĩ Kỹ thuật điện có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập, theo nhóm; có khả năng tự đào tạo và tham gia các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để đạt trình độ cao hơn.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, thạc sĩ Kỹ thuật điện sẽ có kiến thức, kỹ năng, thái độ và vị trí việc làm cụ thể như sau:

##### a) Về kiến thức:

- Có kiến thức tổng hợp và chuyên sâu thuộc lĩnh vực phân phối, điều khiển-biến đổi và sử dụng điện năng.
- Có kiến thức nâng cao cho việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng điều khiển các thiết bị điện, điện tử công suất trong công nghiệp và dân dụng.
- Có kiến thức để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc Tiến sĩ.

##### b) Về kỹ năng:

- Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.
- Kỹ năng nhận biết, trình bày, diễn đạt, giải quyết và phản biện các vấn đề khoa học kỹ thuật thuộc chuyên ngành Kỹ thuật Điện.

##### c) Về thái độ:

Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tác phong công nghiệp; có ý thức tôn trọng pháp luật và quy định của nơi học tập, làm việc.

Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù chịu khó và sáng tạo trong công việc.

##### d) Về vị trí việc làm:

Thạc sĩ Kỹ thuật điện sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm vị trí việc làm sau:

Quản lý hoặc thực hiện những công việc khác nhau thuộc lĩnh vực Kỹ thuật Điện trong doanh nghiệp (các công ty, nhà máy, xí nghiệp, tòa nhà,...).

Thành lập và quản lý doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật điện.

Cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên về lĩnh vực Kỹ thuật điện trong các đơn vị đào tạo và viện nghiên cứu.

**e) Về trình độ Ngoại ngữ:**

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Theo Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ hồng tín chỉ tại trường ĐH Công nghiệp Hà Nội.

**6. Thang điểm**

Thang điểm chữ theo hệ hồng đào tạo tín chỉ tại trường ĐH Công nghiệp Hà Nội.

**7. Nội dung chương trình**

**7.1. Khái quát chương trình**

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 1,5 năm, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 3 năm (Bảng 7.1).

*Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo*

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>	<b>5</b>
	Triết học	3
	Phương pháp NCKH	2
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở</b>	<b>12</b>
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	8
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	4
3	<b>Phần 3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>18</b>
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	10
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	8
4	<b>Phần 4. Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
	Luận văn tốt nghiệp	10
<b>Tổng số</b>		<b>45</b>

## 7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo được liệt kê trong Bảng 7.2.

Bảng 7.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật Điện

ST T	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/T T/LV
<b>I</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>5</b>	<b>5</b>	<b>0</b>
1	LP	7101	Triết học	3	3	0
2	ME	7102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
<b>II</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>12</b>	<b>10,5</b>	<b>1,5</b>
<b>2.1</b>	<b>Các môn bắt buộc</b>			<b>8</b>	<b>7,5</b>	<b>0,5</b>
1	EE	7103	Phương pháp số trong kỹ thuật điện	2	2	0
2	EE	7104	Giải tích máy điện	2	1	1
3	EE	7105	Phân tích hệ thống điện	2	2	0
4	EE	7106	Phân tích và thiết kế hệ thống điều khiển	2	1	1
<b>2.2</b>	<b>Các môn tự chọn (chọn 4 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>
1	EE	7107	Điều khiển số nâng cao	2	1	1
2	EE	7108	Hệ mờ và mạng Nơron	2	1	1
3	EE	7109	Điều khiển tối ưu và bền vững	2	2	0
4	EE	7110	Phân tích và quản lý dự án	2	2	0
<b>III</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>18</b>	<b>14,5</b>	<b>3,5</b>
<b>3.1</b>	<b>Các môn bắt buộc</b>			<b>10</b>	<b>8,5</b>	<b>1,5</b>
1	EE	7111	Điện tử công suất nâng cao	2	1	1
2	EE	7112	Điều khiển quá trình trong công nghiệp	2	1	1
3	EE	7113	Thiết bị và hệ thống đo thông minh	2	2	0
4	EE	7114	Hệ thống nhúng	2	2	0

ST T	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/T T/LV
5	EE	7115	Kỹ thuật nguồn điện phân tán	2	2	0
<b>3.2</b>	<b>Các môn tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>8</b>	<b>6</b>	<b>2</b>
1	EE	7116	Chất lượng điện năng	2	2	0
2	EE	7117	Hệ thống Điều khiển truyền động điện	2	1	1
3	EE	7118	Quản lý năng lượng tòa nhà	2	2	0
4	EE	7119	Hệ thống giám sát và điều khiển công nghiệp	2	1.5	0.5
5	EE	7120	Ứng dụng xử lý ảnh trong công nghiệp	2	2	0
6	EE	7121	Đánh giá độ tin cậy của lưới điện phân phối	2	2	0
7	EE	7122	Hệ thống điều khiển năng lượng tái tạo	2	1	1
8	EE	7123	Công nghệ FPGA và ứng dụng trong điều khiển	2	2	0
<b>IV</b>	<b>LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1	EE	7125	Luận văn tốt nghiệp	10	0	10
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>				<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

(\*) Học viên tự học để đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.



**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: Kỹ thuật Hoá học**  
**Mã ngành: 8520301**

**Hà Nội, 2020**

## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1343 /QĐ-ĐHCN ngày 12 tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ  
Ngành đào tạo: Kỹ thuật Hoá học  
Tên chương trình: Thạc sĩ Kỹ thuật Hoá học  
Mã số: 8520301  
Loại hình đào tạo: Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### ❖ Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học nhằm trang bị kiến thức khoa học cơ bản nâng cao, có kỹ thuật cơ sở vững chắc, có phương pháp tư duy logic, có trình độ chuyên môn sâu để làm chủ các lĩnh vực khoa học và công nghệ liên quan đến kỹ thuật hóa học, có kỹ năng thực hành tốt, có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và sáng tạo, có khả năng phối hợp làm việc theo nhóm và thích ứng cao với môi trường làm việc, giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành Kỹ thuật hóa học.

#### ❖ Mục tiêu cụ thể

##### + Kiến thức:

Có kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật hoá học như các quy trình công nghệ sản xuất công nghiệp, các vật liệu mới, các quy trình công nghệ mới, ... phù hợp với định hướng nghiên cứu và ứng dụng của kỹ thuật hoá học.

##### + Kỹ năng:

Có kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm để hoàn thành công việc một cách linh hoạt và sáng tạo, hiệu quả; phát hiện được tính mới và phát triển được nghiên cứu. Đạt trình độ tiếng Anh B1 chuẩn Châu Âu.

##### + Thái độ:

Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; hợp tác với đồng nghiệp; có ý thức tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, cộng đồng.

##### + Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Học viên tốt nghiệp có thể: (i) làm nghiên cứu viên, giảng viên trong các cơ quan, viện, trường nghiên cứu; (ii) tự tạo các nhóm nghiên cứu, công ty sản xuất liên quan đến kỹ thuật hoá học riêng cho bản thân; (3) làm chuyên gia trong các nhà máy sản xuất liên quan đến kỹ thuật hoá học.

##### + Trình độ Ngoại ngữ:

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

## 2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

## 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

## 4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Đại học hoặc tương đương.

## 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

## 6. Thang điểm

Thang điểm chữ theo hệ thống đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

## 7. Chương trình đào tạo

### 7.1. Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2 năm, hoàn thành chương trình trong 4 học kỳ. Chương trình được thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4 năm (Bảng 7.1).

*Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo*

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>	<b>3</b>
	Triết học	3
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở</b>	<b>12</b>
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	12
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	0
3	<b>Phần 3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>20</b>
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	4
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	16
4	<b>Phần 4. Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	Luận văn tốt nghiệp	10
<b>Tổng số</b>		<b>45</b>

### 7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo được liệt kê trong Bảng 7.2.

*Bảng 7.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật Hoá học*



Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/TT/LV
<b>I</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
<b>II</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>12</b>	<b>8</b>	<b>4</b>
<b>2.1</b>	<b>Các học phần cơ sở bắt buộc</b>			<b>12</b>	<b>8</b>	<b>4</b>
1	CT	7110	Động học các quá trình công nghệ hóa học	2	1	1
2	CT	7122	Nhiệt động kỹ thuật hóa học	2	2	0
3	CT	7115	Hóa lý bề mặt	2	1	1
4	CT	7117	Kỹ thuật phân tích hiện đại	2	2	0
5	CT	7118	Kỹ thuật tách hỗn hợp nhiều cấu tử	2	1	1
6	CT	7123	Phương pháp phân tích cấu trúc	2	1	1
<b>2.2</b>	<b>Các học phần cơ sở tự chọn</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>20</b>	<b>10</b>	<b>10</b>
<b>3.1</b>	<b>Các học phần chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
1	CT	7121	Nhiên liệu mới	2	1	1
2	CT	7131	Xúc tác công nghiệp	2	1	1
<b>3.2</b>	<b>Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 16 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>16</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
1	CT	7130	Vật liệu polyme và composit	2	1	1
2	CT	7114	Hóa học và công nghệ đất hiếm	2	1	1
3	CT	7128	Vật liệu dẫn	2	1	1
4	CT	7104	Công nghệ nhũ tương	2	1	1
5	CT	7109	Điện hoá học bề mặt	2	1	1
6	CT	7129	Vật liệu hóa học hiện đại	2	1	1
7	CT	7113	Hóa học và công nghệ chế biến dầu khí	2	1	1
8	CT	7112	Hóa học ứng dụng trong xử lý môi trường	2	1	1
9	CT	7116	Hợp chất có hoạt tính sinh học	2	1	1
10	CT	7106	Cơ chế các phản ứng hữu cơ	2	1	1
11	CT	7125	Tin học ứng dụng trong hoá học	2	1	1
12	CT	7119	Kỹ thuật tạo màng và sơn	2	1	1

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/ TT/LV
13	CT	7126	Tính toán thiết bị trong công nghệ các chất vô cơ	2	1	1
14	CT	7111	Hoá học các hợp chất thiên nhiên	2	1	1
15	CT	7124	Quang hóa và điện hóa trong tổng hợp hữu cơ	2	2	0
16	CT	7105	Công nghệ tiên tiến sản xuất bột giấy	2	1	1
17	CT	7101	Cấu trúc và tính chất của vật liệu silicat	2	1	1
18	CT	7102	Công nghệ chế biến khoáng sản Việt Nam	2	1	1
19	CT	7127	Thiết bị đặc trưng trong công nghệ các chất vô cơ	2	1	1
20	CT	7107	Cơ sở lý thuyết công nghệ gốm kỹ thuật và vật liệu chịu lửa	2	1	1
21	CT	7108	Cơ sở lý thuyết kỹ thuật các chất vô cơ	2	1	1
22	CT	7103	Công nghệ muối khoáng	2	1	1
<b>IV</b>	<b>PHẦN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1	CT	7127	Luận văn thạc sĩ	10	0	10
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>				<b>45</b>	<b>20</b>	<b>25</b>

(\*) Học viên tự học để đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN**

**Mã ngành: 8480104**

**Hà Nội, 2020**

## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1343 /QĐ-ĐHCN ngày 12 tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình: Thạc sĩ Hệ thống thông tin  
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ  
Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin  
Mã số: 8480104  
Loại hình đào tạo: Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### \* Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sĩ Hệ thống thông tin của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội được xây dựng nhằm giúp học viên phát triển các kiến thức chuyên sâu, hiện đại về hệ thống thông tin, trang bị các kỹ năng thực hành tiên tiến, nâng cao năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực đào tạo trên cơ sở áp dụng các kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành đã được trang bị. Với kiến thức, kỹ năng và phẩm chất chính trị được trang bị, học viên tốt nghiệp có thể làm việc như một chuyên gia hệ thống thông tin, có thể đảm nhiệm các vị trí quản lý, tham gia giảng dạy, nghiên cứu hoặc có thể theo học các chương trình đào tạo Tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

#### \* Mục tiêu cụ thể

##### + Kiến thức

Học viên theo học chương trình đào tạo Thạc sĩ Hệ thống thông tin tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội sẽ được trang bị các kiến thức chuyên sâu, cập nhật, các công nghệ hiện đại về hệ thống thông tin. Kết thúc chương trình đào tạo, học viên hiểu, nắm vững và vận dụng được các kiến thức sau vào thực tiễn:

– Các kiến thức nâng cao về cấu trúc dữ liệu, cơ sở dữ liệu (CSDL), hệ quản trị CSDL.

– Các lý thuyết hiện đại về quản trị hệ thống thông tin, quản trị dự án hệ thống

thông tin, quy trình phát triển hệ thống thông tin.

– Các kiến thức chuyên sâu, các công nghệ tiên tiến về tri thức, khai phá dữ liệu, hệ thống thông minh.

– Các kiến thức về phát triển, vận hành các hệ thống nhúng.

– Các nội dung lý thuyết và ứng dụng về an toàn, an ninh hệ thống thông tin.

#### + **Kỹ năng:**

Kết thúc chương trình đào tạo, học viên đạt được những kỹ năng như:

*Kỹ năng nghề nghiệp:*

– Kỹ năng phân tích, thiết kế, phát triển hệ thống thông tin;

– Kỹ năng quản trị: quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị hệ thống thông tin, quản trị dự án hệ thống thông tin,

– Kỹ năng khai thác, vận hành, đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thông tin;

– Kỹ năng vận dụng các công nghệ, kỹ thuật và công cụ hiện đại của ngành Hệ thống thông tin vào thực tế công việc;

– Kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, cập nhật các kiến thức chuyên sâu, các công nghệ mới thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin.

*Kỹ năng mềm:*

– Có kỹ năng phân tích, phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tế liên quan đến ngành học;

– Khả năng sáng tạo trong làm việc độc lập, làm việc nhóm, hội nhập trong môi trường quốc tế;

– Sử dụng tốt ngoại ngữ trong công việc và nghiên cứu khoa học.

#### + **Thái độ**

– Có phẩm chất đạo đức cá nhân như chủ động, linh hoạt, sáng tạo;

– Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như đam mê nghiên cứu khám phá kiến thức mới, có trách nhiệm trong công việc và với cộng đồng;

– Có phẩm chất đạo đức xã hội như tôn trọng luật pháp, có tinh thần kỷ luật, có lối sống trong sáng, lành mạnh.

#### + **Vị trí làm việc sau tốt nghiệp**

Học viên tốt nghiệp có thể đảm nhận một trong các vị trí công tác sau:

– Giám đốc thông tin (Chief Information Officer - CIO);

- Quản lý dự án phát triển hệ thống thông tin.
- Trưởng bộ phận công nghệ thông tin tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực giáo dục, kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng;
- Chuyên gia tích hợp hệ thống;
- Chuyên gia phân tích-thiết kế hệ thống;
- Chuyên gia tư vấn, xây dựng và nâng cấp các hệ thống thông tin;
- Chuyên gia quản trị và bảo mật cơ sở dữ liệu của hệ thống, quản trị viên hệ thống thông tin;
- Chuyên gia phân tích kinh doanh và trợ giúp đưa ra các quyết định;
- Giảng viên giảng dạy một số học phần thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trung học phổ thông cũng như đào tạo, hướng dẫn nhân viên ở các bộ phận khai thác, sử dụng hệ thống thông tin tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Nghiên cứu viên tại các viện hoặc các cơ sở nghiên cứu về công nghệ thông tin;
- Có thể tiếp tục học theo chương trình đào tạo tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước ngành Hệ thống thông tin hoặc các ngành khác thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin.

#### **+ Trình độ Ngoại ngữ**

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

#### **2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

#### **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

#### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

#### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Căn cứ vào quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ hổng tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

#### **6. Thang điểm**

Thang điểm chữ theo hệ hổng đào tạo tín chỉ tại Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội.

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1 Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2 năm, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4 năm (Bảng 7.1).

Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>	<b>3</b>
	Triết học	3
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở</b>	<b>16</b>
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	10
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	6
3	<b>Phần 3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>16</b>
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	10
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	6
4	<b>Phần 4. Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	Luận văn tốt nghiệp	10
<b>Tổng số</b>		<b>45</b>

### 7.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2. Chương trình đào tạo Thạc sĩ Hệ thống thông tin

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/TT/LV
<b>I.</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
1	PHI	7101	Triết học	3	2	1
<b>II.</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>
<b>2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>10</b>	<b>7.5</b>	<b>2.5</b>
1	IT	7102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật nâng cao	2	1.5	0.5
2	IT	7103	Cơ sở dữ liệu nâng cao	2	1.5	0.5
3	IT	7104	An toàn và bảo mật thông tin	2	1.5	0.5
4	IT	7105	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	2	1.5	0.5
5	IT	7106	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	1.5	0.5

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/ TT/LV
2.2	<i>Các học phần tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			6	4.5	1.5
1	IT	7107	Hệ thống thông tin quản lý	2	1.5	0.5
2	IT	7108	Kiến trúc máy tính tiên tiến	2	1.5	0.5
3	IT	7109	Công nghệ phần mềm nâng cao	2	1.5	0.5
4	IT	7110	Quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	2	1.5	0.5
5	IT	7111	Hệ hỗ trợ quyết định tiên tiến	2	1.5	0.5
6	IT	7112	Tính toán mềm	2	1.5	0.5
7	IT	7113	Khai phá dữ liệu và phát hiện tri thức	2	1.5	0.5
<b>III.</b>	<b>KHÔI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>
3.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>10</b>	<b>7.5</b>	<b>2.5</b>
1	IT	7114	Hệ thống thông minh	2	1.5	0.5
2	IT	7115	Hệ thống phân tán	2	1.5	0.5
3	IT	7116	An toàn hệ thống và an ninh mạng	2	1.5	0.5
4	IT	7117	Hệ thống nhúng	2	1.5	0.5
5	IT	7118	Các chủ đề hiện đại về công nghệ thông tin	2	1.5	0.5
3.2	<i>Các học phần tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			6	4.5	1.5
1	IT	7119	Quản trị hệ thống thông tin	2	1.5	0.5
2	IT	7120	Phát triển hệ thống thông tin	2	1.5	0.5
3	IT	7121	Khai phá dữ liệu web	2	1.5	0.5
4	IT	7122	Dữ liệu lớn	2	1.5	0.5
5	IT	7123	Điện toán đám mây	2	1.5	0.5
6	IT	7124	Kiểm chứng phần mềm	2	1.5	0.5
7	IT	7125	Kiến trúc hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	1.5	0.5
<b>IV.</b>	<b>LUẬN VĂN THẠC SĨ</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>



STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/TT/LV
1	IT	7127	Luận văn tốt nghiệp	10	0	10
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III + IV)</b>				<b>45</b>	<b>26</b>	<b>19</b>

(\*) Học viên tự học để đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.



**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: Kỹ thuật Cơ khí Động lực**  
**Mã ngành: 8520116**

**Hà Nội, 2020**

## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1343 /QĐ-ĐHCN ngày 12 tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình:	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí động lực
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Kỹ thuật Cơ khí Động lực
Mã số:	8520116
Loại hình đào tạo:	Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### ❖ Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Cơ khí Động lực có trình độ chuyên môn cao, có khả năng nghiên cứu và lãnh đạo nhóm nghiên cứu các lĩnh vực của chuyên ngành, có tư duy khoa học, có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề khoa học chuyên ngành, có khả năng trình bày, giới thiệu các nội dung khoa học, đồng thời có khả năng chuyên môn phục vụ đào tạo các bậc Đại học và Cao đẳng.

Thạc sĩ Kỹ thuật Cơ khí Động lực có phương pháp tư duy tổng hợp và hệ thống, khả năng tiếp cận, tổ chức và giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành Cơ khí Động lực; có khả năng và phương pháp nghiên cứu khoa học độc lập, sáng tạo, có khả năng thích ứng với môi trường kinh tế - xã hội toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Ngoài ra, Thạc sĩ sau khi tốt nghiệp đảm bảo được các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp.

#### ❖ Mục tiêu cụ thể

##### + Kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên, đáp ứng cho việc tiếp thu và vận dụng các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật ô tô; có khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Có các kiến thức cơ sở kỹ thuật và ngành công nghệ kỹ thuật Ô tô; các quá trình vật lý của công nghệ kỹ thuật ô tô, hệ thống bảo dưỡng, sửa chữa, đăng kiểm cũng như dây chuyền sản xuất lắp ráp ô tô.

##### + Kỹ năng:

Có kỹ năng nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc nhóm cũng như quản lý để có thể làm việc trong môi trường đa ngành, đa văn hóa, đa quốc gia.

**+ Kỹ năng:**

Có đạo đức nghề nghiệp cũng như hiểu biết kinh tế, chính trị; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành công nghệ kỹ thuật ô tô để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.

**+ Thái độ:**

Có tinh thần vươn lên trong cuộc sống; Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý để phát triển nghề nghiệp và thành đạt; Hình thành tư duy học tập suốt đời. Mục tiêu cụ thể:

**+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:**

- Quản lý, triển khai các dự án tại các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp lĩnh vực Cơ khí động lực;

- Quản lý, chỉ đạo và thực hiện các công việc thiết kế, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các thiết bị Kỹ thuật Cơ khí động lực trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp;

- Phụ trách kỹ thuật của các công ty, nhà máy, xí nghiệp, các viện nghiên cứu về Cơ khí động lực;

- Nghiên cứu tại các Trung tâm, Viện nghiên cứu, giảng dạy ở các trường cao đẳng, đại học và làm việc tại các cơ quan đăng kiểm có liên quan.

**+ Trình độ Ngoại ngữ:**

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Căn cứ vào quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ hổng tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**6. Thang điểm**

Thang điểm chữ theo hệ hổng đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2 năm, hoàn thành chương trình trong 4 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4 năm (Bảng 7.1).

Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>	<b>3</b>
	Triết học	3
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở</b>	<b>12</b>
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	10
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	2
3	<b>Phần 3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>20</b>
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	8
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	12
4	<b>Phần 4. Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	Luận văn thạc sĩ	10
<b>Tổng số</b>		<b>45</b>

### 7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí động lực

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/TT/LV
<b>I</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
<b>II</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>12</b>	<b>10</b>	<b>2</b>
<b>2.1</b>	<b>Các học phần cơ sở bắt buộc</b>			<b>10</b>	<b>8,5</b>	<b>1,5</b>
1	ME	7118	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/TT/LV
2	ME	7120	Quy hoạch và xử lý số liệu thực nghiệm	2	2	0
3	ME	7115	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống	2	1,5	0,5
4	ME	7105	Độ tin cậy và tuổi thọ của các thiết bị cơ khí	2	1,5	0,5
5	AT	7115	Phương pháp phân tử hữu hạn ứng dụng trên ô tô	2	1,5	0,5
<b>2.2</b>	<b>Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>2</b>	<b>1,5</b>	<b>0,5</b>
1	AT	7116	Tối ưu hóa trong kỹ thuật	2	1,5	0,5
2	AT	7118	Vấn đề ồn và rung trên ô tô nâng cao	2	1,5	0,5
<b>III</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>20</b>	<b>15</b>	<b>5</b>
<b>3.1</b>	<b>Các học phần chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>8</b>	<b>6</b>	<b>2</b>
1	AT	7109	Hệ thống truyền lực nâng cao	2	1,5	0,5
2	AT	7107	Động lực học ô tô ứng dụng	2	1,5	0,5
3	AT	7113	Nhiên liệu thay thế cho động cơ đốt trong	2	1,5	0,5
4	AT	7102	Chẩn đoán lỗi trong các hệ thống kỹ thuật	2	1,5	0,5
<b>3.2</b>	<b>Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>12</b>	<b>9</b>	<b>3</b>
<b>3.2.1</b>	<b>Nhóm chuyên ngành tự chọn A (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>6</b>	<b>4,5</b>	<b>1,5</b>
1	AT	7106	Động lực học hệ thống phanh ô tô	2	1,5	0,5

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/TT/LV
2	AT	7110	Khí động lực học thân vỏ ô tô	2	1,5	0,5
3	AT	7103	Dao động ô tô	2	1,5	0,5
4	AT	7104	Động lực học các hệ thống thủy khí trên ô tô	2	1,5	0,5
5	AT	7101	Cơ điện tử ô tô nâng cao	2	1,5	0,5
3.2.2	<b>Nhóm chuyên ngành tự chọn B (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>6</b>	<b>4,5</b>	<b>1,5</b>
1	AT	7112	Lý thuyết động cơ nâng cao	2	1,5	0,5
2	AT	7105	Động lực học dao động động cơ	2	1,5	0,5
3	AT	7108	Hệ thống nhúng trên ô tô	2	1,5	0,5
4	AT	7117	Xe tự hành và hệ thống giao thông thông minh	2	1,5	0,5
5	AT	7114	Phương pháp nâng cao công suất động cơ	2	1,5	0,5
<b>IV</b>	<b>PHẦN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1	AT	7121	Luận văn tốt nghiệp	10	0	10
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>				<b>45</b>	<b>27</b>	<b>18</b>

(\*) Học viên tự học để đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: Kỹ thuật cơ điện tử**  
**Mã ngành: 8520114**

**Hà Nội, 2020**



## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 343 /QĐ-ĐHCN ngày 12 tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

**Tên chương trình:** Thạc sĩ Kỹ thuật cơ điện tử  
**Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ  
**Ngành đào tạo:** Kỹ thuật cơ điện tử  
**Mã số:** 8520114  
**Loại hình đào tạo:** Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### ▪ Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật cơ điện tử có kiến thức chuyên môn sâu về lĩnh vực Cơ điện tử, bao gồm: Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điện - Điện tử; Kỹ thuật điều khiển tự động và Khoa học máy tính; Có khả năng thiết kế, khai thác và phát triển các sản phẩm, hệ thống cơ điện tử, tự động hóa; Có khả năng tư duy hệ thống, tổ chức, giải quyết những vấn đề kỹ thuật liên ngành Cơ điện tử, Điện tử, Điều khiển tự động và Khoa học máy tính; Có khả năng trình bày, giới thiệu các nội dung khoa học chuyên ngành, đồng thời có khả năng đào tạo các bậc Cao đẳng, Đại học và có khả năng phát triển nghiên cứu sâu ở trình độ cao hơn.

#### ▪ Mục tiêu cụ thể

##### + Kiến thức:

- Có kiến thức chuyên sâu về động lực học máy và robot, phương pháp điều khiển hiện đại, đo lường và xử lý tín hiệu, vi cơ điện tử, hệ thống nhúng, mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử; Thiết kế và phát triển các sản phẩm cơ điện tử, robot công nghiệp, dây chuyền sản xuất tự động ...

##### + Kỹ năng:

- Có khả năng vận dụng các kiến thức liên ngành để phát hiện, đề xuất giải pháp công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề kỹ thuật thuộc các lĩnh vực cơ điện tử và tự động hóa;

- Có năng lực lãnh đạo, tổ chức hoạt động nhóm chuyên môn thuộc lĩnh vực cơ điện tử và tự động hóa;

- Tiếp nhận, chuyển giao công nghệ cơ điện tử và tự động hóa;
- Trình bày, giới thiệu (bằng các hình thức bài viết, báo cáo hội nghị, giảng dạy cao đẳng và đại học) các vấn đề khoa học thuộc các lĩnh vực nói trên;
- Có khả năng thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu thuộc lĩnh vực cơ điện tử và tự động hoá;
- Có khả năng tự đào tạo, cập nhật công nghệ hiện đại, kiến thức khoa học và phát triển nghiên cứu sâu ở trình độ Tiến sĩ.

**+ Thái độ:**

- Ý thức tổ chức kỷ luật lao động tốt, có tác phong công nghiệp;
- Yêu ngành yêu nghề, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với đồng nghiệp;
- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù chịu khó và sáng tạo trong công việc;
- Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào ngành Công nghệ chế tạo máy, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp, học viên tốt nghiệp có thể:

- Đảm nhiệm các công việc thiết kế, phát triển sản phẩm cơ điện tử, tự động hóa;
- Tổ chức quản lý và chỉ đạo sản xuất tại các phân xưởng;
- Tư vấn kỹ thuật, kinh doanh trang thiết bị cơ điện tử, tự động hóa;
- Nghiên cứu viên, giảng viên của các trường đại học và viện nghiên cứu;
- Quản lý và triển dự án liên quan đến lĩnh vực cơ điện tử, tự động hóa.

**+ Trình độ Ngoại ngữ:**

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Căn cứ vào quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ hồng tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

## 6. Thang điểm

Thang điểm chữ theo hệ hồng đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1 Khái quát chương trình

*Bảng 7.1 Cấu trúc chương trình đào tạo*

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>	<b>3</b>
	- Triết học	3
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>32</b>
	Phần bắt buộc	18
	Phần tự chọn	14
3	<b>Phần 3. Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	Luận văn thạc sĩ	10
<b>Tổng số</b>		<b>45</b>

### 7.1 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

*Bảng 7.2 Danh mục các học phần trong chương trình ThS Kỹ thuật cơ điện tử*

Stt	Mã số	Tên học phần	Thời lượng (Tín chỉ)		
			Tổng số	LT	TH, TN, TL
<b>1</b>	<b>Kiến thức chung</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>
1	LP7101	Triết học	3	3	0
<b>2</b>	<b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>32</b>	<b>25</b>	<b>7</b>
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức bắt buộc</b>		<b>18</b>	<b>10,5</b>	<b>5,5</b>
1	ME7118	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
2	ME7129	Động lực học hệ nhiều vật	2	2	0
3	ME7115	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống	2	1,0	1,0
4	ME7124	Cảm biến và xử lý tín hiệu	2	1,0	1,0

		đo			
5	ME7137	Lý thuyết điều khiển hiện đại	2	1,5	0,5
6	ME7128	Điều khiển tự động thủy khí	2	1,0	1,0
7	ME7135	Kỹ thuật vi điều khiển	2	1,0	1,0
8	ME7141	Tối ưu hóa trong kỹ thuật	2	1,0	1,0
9	ME7127	Điều khiển số	2	1,0	1,0
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức tự chọn (Chọn 7/14)</b>		<b>14</b>		
2.2.1	Chọn 4/8 học phần		8		
1	ME7134	Kỹ thuật thiết kế	2	2	0
2	ME7139	Thị giác máy tính	2	1,5	0,5
3	ME7125	Dao động kỹ thuật nâng cao	2	1,0	1,0
4	ME7126	Điều khiển quá trình	2	1,5	0,5
5	ME7110	Kỹ thuật ngược và tạo mẫu nhanh	2	1,0	1,0
6	ME7133	Hệ thống nhúng	2	1,5	0,5
7	ME7138	Robot di động	2	1,0	1,0
8	ME7103	Cơ sở thiết kế các hệ thống điều khiển tự động gián đoạn trong công nghiệp	2	2	0
2.2.2	Chọn 3/6 học phần		8		
9	ME7142	Vi cơ điện tử	2	1,5	0,5
10	ME7132	Kỹ thuật chẩn đoán	2	1,5	0,5
11	ME7130	Động lực học và điều khiển tay máy	2	1,5	0,5
12	ME7131	Hệ thống điều khiển máy CNC	2	1,5	0,5
13	ME7119	Phương pháp xây dựng bề mặt cho CAD/CAM	2	1,5	0,5
16	ME7107	Giáo dục học đại học	2	0	0
<b>3</b>	<b>Thực tập, Luận văn tốt nghiệp</b>		<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>

1	ME7137	Luận văn tốt nghiệp	10	0	10
		<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>		

(\*) - Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.





**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH**  
**Mã số: 8220201**

**Hà Nội, 2020**

## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1343/QĐ-ĐHCN** ngày **12** tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình:	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Ngôn ngữ Anh
Mã số:	8220201
Hình thức đào tạo:	Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### \* Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo đội ngũ chuyên môn có kiến thức sâu rộng và cập nhật về ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Anh nói riêng; ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh; các kiến thức khoa học liên quan. Đồng thời vận dụng sáng tạo các kiến thức được học vào thực tế công việc nghiên cứu ngôn ngữ Anh, nghiệp vụ Biên dịch, Phiên dịch và giảng dạy Tiếng Anh một cách hiệu quả. Học viên sau khi tốt nghiệp có các kỹ năng cơ bản như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng khám phá tri thức mới, kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập, kỹ năng làm việc nhóm....; đồng thời có tư duy tích cực, phản biện, sáng tạo, có thể tiếp nhận và phân tích thông tin đa chiều một cách hiệu quả để phục vụ công việc chuyên môn. Học viên cũng tích lũy phẩm chất và trau dồi kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để trở thành nhà

khoa học có khả năng hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn ngành Ngôn ngữ Anh và có thể tiếp tục tự học và tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

Các mục tiêu cụ thể của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh được mô tả cụ thể dưới đây:

**\* Mục tiêu cụ thể**

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình ngôn ngữ Anh trình độ Thạc sĩ cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau đây:

**MT1:** Nắm vững kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, các nguyên lý và học thuyết cơ bản về triết học và ngôn ngữ học;

**MT2:** Nắm vững phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức dịch thuật nâng cao, kiến thức về thiết kế và phát triển các khoá học tiếng Anh và kiến thức chung về quản trị, quản lý trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh;

**MT3:** Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn một cách khoa học; có kỹ năng truyền đạt tri thức liên quan đến ngành ngôn ngữ Anh một cách khoa học; có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyên môn ngành Ngôn ngữ Anh.

**MT4:** Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh; và trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; phát triển các phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để phục vụ học tập, nghiên cứu và các công tác chuyên môn trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh.

**MT5:** Có khả năng tự định hướng, thích nghi phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi; quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn để đưa ra giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn.

**MT6:** Thực hiện tư vấn, hướng dẫn chuyên sâu trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh nói riêng, và lĩnh vực ngôn ngữ nói chung và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

**+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:**



Học viên sau khi tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận những vị trí công tác sau đây:

- Nhà khoa học có khả năng hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh;

- Chuyên viên các tổ chức giáo dục, viện nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh;

- Biên dịch viên, phiên dịch viên tiếng Anh ở trình độ nâng cao; chuyên gia đánh giá văn bản dịch;

- Giáo viên tiếng Anh tại các trung tâm ngoại ngữ, trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, giảng viên tiếng Anh tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên và không chuyên ngoại ngữ.

**+ Trình độ ngoại ngữ:**

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

**2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2.0 năm

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC)

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp đại học hoặc tương đương có ngành phù hợp.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Căn cứ vào quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**6. Thang điểm**

Thang điểm chữ theo hệ thống đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**7. Nội dung chương trình**

**7.1 Khái quát chương trình**

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh được thiết kế gồm 06 học phần bắt buộc, 07 học phần tự chọn, 01 luận văn tốt nghiệp, học viên phải hoàn thành ít nhất 45 tín chỉ.

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

*Bảng 7.1 Cấu trúc chương trình đào tạo*

STT	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung (bắt buộc)</b>	<b>3</b>
	Triết học	3
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>12</b>
	Phần bắt buộc	6
	Phần tự chọn	6
3	<b>Phần 3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>20</b>
	Phần bắt buộc	12
	Phần tự chọn	8
4	<b>Phần 4. Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	Luận văn tốt nghiệp	10
<b>Tổng</b>		<b>45</b>

### *7.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo*

Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh được thể hiện trên bảng sau:

Bảng 7.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	TH/TN/TL
<b>I</b>	<b>Phần kiến thức chung</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>
1	FL7001	Triết học (Philosophy)	3	3	0
<b>II</b>	<b>Phần kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>
<b>2.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>
1	FL7002	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	3	0
2	FL7003	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methods)	3	3	0
<b>2.2</b>	<b>Tự chọn (chọn 3 trong 5 học phần)</b>		<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>
1	FL7004	Tiếng Anh viết khoa học (Scientific Academic Written English)	2	2	0
2	FL7005	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	2	2	0
3	FL7006	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	2	2	0
4	FL7007	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive linguistics)	2	2	0
5	FL7008	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	2	2	0
<b>III</b>	<b>Phần kiến thức chuyên ngành</b>		<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>
<b>3.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>
1	FL7009	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)	3	3	0
2	FL7010	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	3	3	0
3	FL7011	Ngữ nghĩa học tiếng Anh (English Semantics)	3	3	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	TH/TN/TL
4	FL7012	Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)	3	3	0
<b>3.2</b>	<b>Tự chọn (Chọn 4 trong 8 học phần)</b>		<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
1	FL7013	Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)	2	2	0
2	FL7014	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	2	2	0
3	FL7015	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	2	2	0
4	FL7016	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	2	2	0
5	FL7017	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	2	2	0
6	FL7018	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language testing and evaluation)	2	2	0
7	FL7019	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	2	2	0
8	FL7020	Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Curriculum design)	2	2	0
<b>IV</b>	<b>Luận văn tốt nghiệp</b>		<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1	FL7022	Luận văn tốt nghiệp	10	0	10
<b>Tổng cộng</b>			<b>45</b>		

(\*) Học viên tự học để đạt trình độ năng lực ngoại ngữ 2 tương đương cấp độ 4/6

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NGÀNH: CÔNG NGHỆ DỆT, MAY**  
**Mã ngành: 8540204**

**Hà Nội, 2020**

## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số **1343** /QĐ-ĐHCN ngày **12** tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

<b>Tên chương trình:</b>	Thạc sĩ Công nghệ dệt, may
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Thạc sĩ
<b>Ngành đào tạo:</b>	Công nghệ dệt, may
<b>Mã số:</b>	8540204
<b>Loại hình đào tạo:</b>	Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### • Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Công nghệ dệt, may có phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ chuyên môn cao, có thể làm chủ kiến thức khoa học và công nghệ liên quan đến Công nghệ dệt, may. Thạc sĩ Công nghệ dệt, may có phương pháp tư duy hệ thống, tư duy phản biện, khả năng tiếp cận, tổ chức và giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành Công nghệ dệt, may với vai trò của chuyên gia; có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập với phương pháp sáng tạo; khả năng thích ứng với môi trường kinh tế-xã hội toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, có khả năng tự đào tạo và tham gia các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để đạt trình độ cao hơn.

#### • Mục tiêu cụ thể

##### + Kiến thức:

- Có kiến thức chuyên sâu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng về công nghệ sản xuất trong ngành dệt may và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Có các kiến thức về vật liệu mới trong dệt may; công nghệ sản xuất xơ sợi tiên tiến; tiêu chuẩn hóa sản phẩm dệt may/đo lường trong dệt may; tiện nghi trang phục hoặc an toàn và phát triển bền vững trong dệt may;
- Có kiến thức chuyên ngành công nghệ mới về dệt may thuộc các lĩnh vực: Nghiên cứu và phát triển sản phẩm, công nghệ gia công, công nghệ sản xuất và tổ chức sản xuất

sản phẩm dệt may; các kiến thức nâng cao cho việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ, thiết bị mới trong ngành dệt may;

+ *Kỹ năng:*

- Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, phát triển và thử nghiệm giải pháp mới, kỹ thuật mới, công nghệ mới vào lĩnh vực dệt may; xây dựng, quản lý và triển khai dự án, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ mới liên quan đến lĩnh vực dệt may; phân tích và giải quyết được các vấn đề kỹ thuật phức tạp, thường xảy ra thuộc ngành công nghệ dệt may; làm việc độc lập, làm việc nhóm trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia;

+ *Thái độ:*

- Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật tốt, tác phong chuyên nghiệp, yêu nghề, không ngừng học tập, sáng tạo.

- Có hiểu biết về kinh tế, chính trị phù hợp để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.

+ *Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:*

Người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ Công nghệ dệt, may có thể đảm nhận các vị trí việc làm như sau:

- Quản lý, phụ trách kỹ thuật hoặc thực hiện những công việc kỹ thuật trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp về lĩnh vực công nghệ dệt, may.

- Giảng dạy, quản lý tại cơ sở đào tạo như đại học, cao đẳng,... về công nghệ dệt, may.

- Nghiên cứu viên tại các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực công nghệ dệt, may.

- Quản lý, tổ chức, triển khai các dự án trong lĩnh vực công nghệ dệt, may.

+ *Trình độ ngoại ngữ:*

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt tương đương cấp độ 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt nam.

## **2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2.0 năm

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC)

### 4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp đại học hoặc tương đương.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

### 6. Thang điểm

Thang điểm chữ theo hệ thống đào tạo tín chỉ tại Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội.

### 7. Nội dung chương trình

#### 7.1. Khái quát chương trình

*Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo*

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>	<b>5</b>
	- Triết học	3
	- Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở</b>	<b>13</b>
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	5
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	8
3	<b>Phần 3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>17</b>
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	6
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	11
4	<b>Phần 4. Tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	Luận văn thạc sĩ	10
<b>Tổng số</b>		<b>45</b>



## 7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2. Khối lượng kiến thức toàn khóa.

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/TL
<b>I</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
2	FG	7002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3			Tiếng Anh *			
<b>II</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>13</b>	<b>12</b>	<b>1</b>
<b>2.1</b>	<b>Các học phần cơ sở bắt buộc</b>			<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>
1	FG	7003	Phương pháp phân tích dữ liệu ngành dệt may	3	2	1
2	FG	7004	Vật liệu mới trong dệt may	2	2	0
<b>2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
1	FG	7005	Đo lường trong dệt may	2	2	0
2	FG	7006	Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng sản phẩm dệt may	2	2	0
3	FG	7007	Công nghệ sản xuất xơ sợi tiên tiến	2	2	0
4	FG	7008	Tiện nghi trang phục	2	2	0
5	FG	7009	Phát triển bền vững trong dệt may	2	2	0
6	FG	7010	Vật liệu dệt may kỹ thuật	2	2	0
7	FG	7011	Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may	2	2	0
8	FG	7012	Cấu trúc vải dệt thoi	2	2	0
9	FG	7013	Cấu trúc vải dệt kim	2	2	0
<b>III</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>17</b>	<b>16</b>	<b>1</b>
<b>3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>6</b>	<b>5,5</b>	<b>0,5</b>

Bảng 7.2. Khối lượng kiến thức toàn khóa.

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/TL
1	FG	7014	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may	2	1,5	0,5
2	FG	7016	Công nghệ mới trong hoàn tất sản phẩm dệt may	2	2	0
3	FG	7018	Tiến bộ mới trong công nghệ may	2	2	0
<b>3.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 11 tín chỉ trong các học phần sau)</b>			<b>11</b>	<b>10</b>	<b>1</b>
1	FG	7015	Vải dệt 3D	2	2	0
2	FG	7017	Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục	2	2	0
3	FG	7019	Tiến bộ mới trong công nghệ dệt	2	2	0
4	FG	7020	Phân tích và dự báo xu hướng sản phẩm dệt may	3	2	1
5	FG	7021	Sản phẩm dệt may thông minh	2	2	0
6	FG	7022	Phát triển thương hiệu dệt may	2	2	0
7	FG	7023	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành dệt may	2	2	0
8	FG	7024	Khoa học quản lý sản xuất trong dệt may	3	2	1
9	FG	7025	Tự động hóa trong công nghệ dệt may	2	2	0
<b>IV</b>	<b>PHẢN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>			<b>25</b>	<b>0</b>	<b>25</b>
1	FG	7027	Luận văn thạc sĩ	10	0	10
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>				<b>45</b>	<b>31,5</b>	<b>13,5</b>

(\* ) Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức cấp độ 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam.